

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 221/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Viết Kiên.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hồ Tùng Mận
2. Bà Nguyễn Thị Tạc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Vi là Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Bà H'Michan Niê - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/TLST-DS ngày 09/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 236/2022/QĐXX - ST ngày 26/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 273/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP SGTT

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu H (có mặt)

Địa chỉ: 130-132 LHP, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoài Nh (vắng mặt)

Địa chỉ: 17/14 NVX, phường Tân Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Thu Hiền trình bày:**

Vào ngày 20/02/2020, ông Lê Hoài Nh có ký với Ngân hàng TMCP SGTT. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 970403-1877 với lãi suất thỏa thuận là 2,6%/tháng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục

điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng- các tài liệu được gọi chung là hợp đồng) Căn cứ theo thu nhập của ông Lê Hoài Nh, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lê Hoài Nh đã thực hiện các giao dịch nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 22/7/2021. Qua nhiều lần gọi điện thoại, gửi thông báo nhắc nợ nhưng ông Lê Hoài Nh vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Lê Hoài Nh vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, sau khi quá hạn Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và dư nợ còn thiếu đã chuyển nợ quá hạn vi phạm Điều 23 của Phụ lục điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/6/2022 như sau: Dư nợ ngày 22/7/2021= Số tiền giao dịch - ( Số tiền thanh toán - Phí, lãi) Trong đó: Số tiền giao dịch: 32.010.200 đồng; Số tiền thanh toán: 14.250.000 đồng; Tổng các khoản phí: 2.138.339 đồng; Tổng tiền lãi: 13.500.033 đồng. Dư nợ ngày 22/7/2021= 32.010.200 - (14.250.000 -2.138.339 -13500.033) = 33.398.572 đồng; Lãi quá hạn đến ngày 21/6/2022: 14.45.030 đồng. Tổng số tiền phải trả đến ngày 21/6/2022: 47.943.602 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở với ông Lê Hoài Nh, yêu cầu ông Lê Hoài Nh có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông Lê Hoài Nh trả nợ, tuy nhiên ông Lê Hoài Nh vẫn không thanh toán khoản nợ quá hạn cho Ngân hàng.

Do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP SGTT đề nghị quý tòa giải quyết đối với bị đơn buộc trả số tiền 47.943.602 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 22/6/2022.

Bị đơn Lê Hoài Nh cố tình lẩn tránh, Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định ông Lê Hoài Nh vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với ông Lê Hoài Nh vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không chấp hành pháp luật vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT. Buộc ông Lê Hoài Nh trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 47.943.602 đồng (trong đó tiền gốc:

30.000.000 đồng, tiền lãi và phí đến ngày 21/6/2022 là 17.943.602 đồng) tiếp tục trả lãi và phí phạt phát sinh từ ngày 22/6/2022 đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí: Ông Lê Hoài Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 20/02/2020, ông Lê Hoài Nh có ký với Ngân hàng TMCP SGT. Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 970403-1877 với lãi suất thỏa thuận là 2,6%/tháng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng Ngân hàng- các tài liệu được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ theo thu nhập của ông Lê Hoài Nh, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Lê Hoài Nh đã thực hiện các giao dịch nhiều lần nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định và bị chuyển nợ quá hạn vào ngày 22/7/2021. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Nh đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 30.000.000 đ, số tiền lãi, phí phạt tạm tính đến ngày 21/6/2022 là 17.943.602 đồng.

Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Bị đơn đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết là vi phạm hợp đồng. Việc nguyên đơn khởi kiện đòi số tiền là 47.943.602 đồng tiền gốc và lãi suất là có cơ sở cần chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án ông Nh đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong hợp đồng tín dụng so với mẫu tài liệu đã thu thập. Tại quyết định số 856/KL-KTHS ngày 9/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng thẻ là do ông Lê Hoài Nh ký ra.

Như vậy cần phải buộc ông Lê Hoài Nh phải trả cho ngân hàng số nợ là 47.943.602 đồng (trong đó tiền gốc: 30.000.000 đồng, tiền lãi và phí đến ngày 21/6/2022 là 17.943.602 đồng) tiếp tục trả lãi và phí phạt phát sinh từ ngày 22/6/2022 đến khi trả hết nợ gốc là phù hợp.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP SGTT.

Buộc ông Lê Hoài Nh trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 47.943.602 đồng (trong đó tiền gốc 30.000.000 đồng, tiền lãi và phí đến ngày 21/6/2022 là 17.943.602 đồng) tiếp tục trả lãi và phí phạt phát sinh từ ngày 22/6/2022 đến khi trả hết nợ gốc.

3. Về án phí: ông Lê Hoài Nh phải nộp 2.397.180 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng TMCP SGTT được nhận lại 1.135.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số: AA/2021/0012956 ngày 25/5/2022.

Ông Lê Hoài Nh phải chịu 5.100.000 đồng chi phí giám định, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP SGTT số tiền 5.100.000 đồng sau khi thu được của ông Lê Hoài Nh.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.*

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Viết Kiên**

